

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội) chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 144.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI HOUSING DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO 6.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch HĐQT
	Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT
	Ông Nguyễn Trọng Bằng	Ủy viên
	Ông Phạm Ngọc Chiến	Ủy viên
	Ông Trịnh Văn Định	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Bế Ngọc Long	Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Qué Sơn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc *Hej*



**Bế Ngọc Long**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



Số: 650/2018/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

**Kính gửi:** Các **Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 04 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

	MS	TM	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>460.216.230.056</b>	<b>460.642.057.849</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>42.120.980.245</b>	<b>9.614.706.864</b>
1. Tiền	111		42.120.980.245	9.614.706.864
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>163.312.739.014</b>	<b>203.524.351.680</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.166.314.357	76.382.388.662
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	33.094.298.830	42.660.755.458
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	39.980.139.954	52.163.806.621
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	45.886.443.863	42.131.858.929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(9.814.457.990)	(9.814.457.990)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>248.552.839.900</b>	<b>247.492.188.888</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	248.552.839.900	247.492.188.888
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.229.670.897</b>	<b>10.810.417</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.983.917	10.810.417
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	6.218.686.980	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>354.977.784.016</b>	<b>691.292.421.049</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.771.408.138</b>	<b>11.048.300.760</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	9.771.408.138	11.048.300.760
- Nguyên giá	222		31.254.171.486	31.258.771.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.482.763.348)	(20.210.470.726)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.10</b>	<b>9.857.768.475</b>	<b>1.622.567.454</b>
1. Nguyên giá	231		10.262.241.524	1.943.856.654
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(404.473.049)	(321.289.200)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>236.783.907.403</b>	<b>580.985.000.780</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	236.783.907.403	580.985.000.780
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.12</b>	<b>98.564.700.000</b>	<b>97.564.700.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65.700.000.000	62.700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.664.700.000	36.664.700.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>71.852.055</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	-	71.852.055
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>815.194.014.072</b>	<b>1.151.934.478.898</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

	MS	TM	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>598.043.365.531</b>	<b>702.476.238.016</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>269.376.286.303</b>	<b>307.913.204.208</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	75.818.804.799	80.675.666.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	10.047.467.988	6.226.514.707
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	28.253.606.986	33.628.998.275
4. Phải trả người lao động	314		531.891.996	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	642.566.892
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	44.631.400	91.096.880
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	75.757.297.480	106.406.593.073
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	75.551.211.181	77.104.333.298
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.371.374.473	3.137.434.591
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>328.667.079.228</b>	<b>394.563.033.808</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	228.143.832.772	292.401.184.356
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	91.507.246.456	98.593.849.452
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	9.016.000.000	3.568.000.000
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.150.648.541</b>	<b>449.458.240.882</b>
(400 = 410+430)				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>217.150.648.541</b>	<b>449.458.240.882</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>144.000.000.000</i>	<i>144.000.000.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.303.275.917	1.303.275.917
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.680.127.475	14.181.567.581
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		419.825.710	170.545.763
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.665.154.244	36.374.782.297
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>31.241.316.242</i>	<i>(615.953.012)</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>23.423.838.002</i>	<i>36.990.735.309</i>
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.480.920.739	252.827.514.532
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		601.344.456	600.554.792
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>815.194.014.072</b>	<b>1.151.934.478.898</b>
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mai Anh

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a-DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	110.774.057.407	299.289.299.275
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		110.774.057.407	299.289.299.275
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	77.323.272.412	222.161.351.463
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>33.450.784.995</b>	<b>77.127.947.812</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	3.690.232.995	144.408.309
7. Chi phí tài chính	22	5.23	2.655.109.870	1.080.637.620
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.655.109.870	1.080.637.620
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.24	9.392.246.717	10.008.413.066
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	<b>30</b>		<b>25.093.661.403</b>	<b>66.183.305.435</b>
12. Thu nhập khác	31	5.25	1.477.674.378	2.271.910.317
13. Chi phí khác	32	5.25	604.279.238	671.885.729
14. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.25</b>	<b>873.395.140</b>	<b>1.600.024.588</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30+40+45)	<b>50</b>		<b>25.967.056.543</b>	<b>67.783.330.023</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	5.351.379.066	13.638.825.046
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>20.615.677.477</b>	<b>54.144.504.977</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		20.396.563.860	54.074.435.954
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		219.113.617	70.069.023
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.27	1.416,43	3.667,39

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mai Anh

Dương Thị Thái Hương

Bé Ngọc Long



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
		tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.967.056.543	67.783.330.023
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.405.476.471	1.492.186.839
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.932.551.177)	(1.826.226.491)
- Chi phí lãi vay	06	2.655.109.870	1.080.637.620
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.095.091.707	68.529.927.991
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.159.026.191	11.115.890.139
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.060.651.012)	82.712.426.672
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11.669.980.160	(99.349.077.138)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	71.852.055	263.735.491
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.655.109.870)	(1.080.637.620)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.674.473.993)	(3.023.659.063)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(320.100.000)	(152.968.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.285.615.238	59.015.637.969
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(140.400.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	833.725.995	144.408.309
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(306.674.005)	144.408.309
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền thu từ cho vay	33	58.884.466.181	15.950.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.989.588.298)	(31.126.079.600)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.367.545.735)	(22.923.519.880)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(19.472.667.852)	(38.099.599.480)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	32.506.273.381	21.060.446.798
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.614.706.864	13.102.058.556
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	42.120.980.245	34.162.505.354

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Mai Anh

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long



**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội) chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty là 144.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANOI HOUSING DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO 6

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Vốn Nhà nước	2.460.245	24.602.450.000	17,09%
Các cổ đông khác	11.939.755	119.397.550.000	82,91%
<b>Tổng</b>	<b>14.400.000</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động bình quân 6 tháng đầu năm năm 2018 là: 65 người.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thể dục thể thao. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi và giao thông. Xây dựng lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KVA, xây dựng và lắp đặt các hệ thống trang thiết bị điện, cấp thoát nước thông dụng. Xây dựng và cải tạo, nâng cấp nhà để bán và cho thuê. Thi công cấp dự ứng lực và chuyên giao công nghệ thi công bê tông ứng xuất trước;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết kinh doanh khách sạn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng, tổ chức quản lý vận hành khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư do Công ty quản lý;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: lắp đặt thiết bị điện nước dân dụng, các sản phẩm cơ khí xây dựng, thang máy, các cấu kiện gỗ sắt thép;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: đào đắp đất đá, nề, mốp, bê tông sắt thép trong xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan....

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác



**1.3. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên công ty, đơn vị</b>	<b>Ngành nghề</b>	<b>% sở hữu theo cam kết</b>	<b>% sở hữu thực tế</b>
<b>Công ty con</b>			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sản Bất động sản Handico 6	Thương mại và KD Bất động sản	80%	80%
Công ty Cổ phần Tháp Hoa Kim Cương	Thương mại và hoạt động Xây Lắp	71,4%	71,4%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh	Thương mại và KD Bất động sản	65%	65%
<b>Công ty Liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	Xây dựng, BĐS	30%	30%
Công ty Thương mại & Xây lắp Handico 6	Thương mại, xây dựng	30%	30%
Công ty CP Bất Động sản Land6	Kinh doanh BĐS	30%	30%
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long	Thương mại và Kinh doanh BĐS	50%	50%
Công ty CP đầu tư bất động sản & cơ sở hạ tầng Nhân Việt	Xây dựng, BĐS	29%	29%

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

##### **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

##### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

###### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

###### Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

###### Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

###### Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

##### Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

##### Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

##### a. Nguyên tắc kế toán

##### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

*b. Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018**  
(Số năm)

Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	03 - 05

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

TSCĐ vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được khấu hao không quá 10 năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí của Dự án này được tập hợp và hạch toán vào tài khoản "Chi phí xây dựng dở dang" và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí và nguồn hình thành của Dự án này được Công ty tập hợp và hạch toán vào tài khoản “Chi phí xây dựng dở dang”, “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” và đang được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu Hợp đồng xây dựng:

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động và được xác định tương đối chắc chắn.

##### Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

##### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.



#### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

##### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc phụ trách, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

##### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng năm 2018 Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đồng nhất, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.



5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	4.234.723.114	922.052.241
Tiền gửi ngân hàng	37.886.257.131	8.692.654.623
<b>Tổng</b>	<b>42.120.980.245</b>	<b>9.614.706.864</b>

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>54.166.314.357</b>	<b>76.382.388.662</b>
Công ty CP xây dựng và Thương Mại Bắc Hà	19.429.540.600	20.429.540.600
Công ty CP Tân Phú Long	318.338.033	20.811.331.500
BQL Dự án Đầu tư XDCT Giao thông TP Hà Nội	6.019.629.368	6.019.629.368
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	28.398.806.356	29.121.887.194
<b>Tổng</b>	<b>54.166.314.357</b>	<b>76.382.388.662</b>

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>33.094.298.830</b>	<b>42.660.755.458</b>
Công ty Cổ Phần Thiên Nhân	17.121.399.400	17.121.399.400
Công ty CP Tu tạo và Phát triển Nhà	8.969.554.775	
Công ty CP công nghiệp Châu Á	-	6.000.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	7.003.344.655	19.539.356.058
<b>Tổng</b>	<b>33.094.298.830</b>	<b>42.660.755.458</b>

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty CP Tân Phú Long	-	11.683.666.667
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội	3.933.439.389	3.933.439.389
Công ty CP bất động sản Land 6	32.926.700.565	33.926.700.565
Các cá nhân khác	3.120.000.000	2.620.000.000
<b>Tổng</b>	<b>39.980.139.954</b>	<b>52.163.806.621</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.5 Các khoản phải thu khác**

	30/6/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	45.886.443.863	-	42.131.858.929	-
Ký cược, ký quỹ	2.445.721.046	-	5.741.175.591	-
Tạm ứng	18.509.051.601	-	16.461.093.622	-
Phải thu khác	24.931.671.216	-	19.929.589.716	-
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Land 6</i>	8.514.288.516		8.514.288.516	
<i>Các Xí nghiệp và ban khác trực thuộc Công ty</i>	68.879.501		68.879.501	
<i>Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long</i>	3.500.000.000		3.110.000.000	
<i>Các đối tượng khác</i>	12.848.503.199		8.236.421.699	
<b>Tổng</b>	<b>45.886.443.863</b>	<b>-</b>	<b>42.131.858.929</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	9.814.457.990	-	9.814.457.990	-
<u><i>Trong đó:</i></u>				
			<b>Quá hạn trên 02 năm</b>	<b>Quá hạn trên 03 năm</b>
BQLDA xây dựng Công an TP Hà Nội			-	3.379.685.444
Ban QLDA các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây				452.393.520
Công ty CP Địa ốc 10			-	1.721.414.320
Công ty CP xây dựng số 1 Hà Nội			-	264.847.873
Sở Thể dục Thể thao tỉnh Bắc Cạn			-	793.774.797
Ban quản lý Dự án ĐTXD công trình Giao thông thành phố Hà Nội				2.128.342.036
Đối tượng khác				1.074.000.000
<b>Tổng</b>			<b>-</b>	<b>9.814.457.990</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.421.010.995	-	1.421.010.995	-
Chi phí SX KDDD	247.131.828.905		246.071.177.893	
<b>Tổng</b>	<b>248.552.839.900</b>	<b>-</b>	<b>247.492.188.888</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Dài hạn	-	71.852.055
Chi phí CCDC	-	71.852.055
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>71.852.055</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.9 Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	20.961.036.825	9.752.260.453	545.474.208	31.258.771.486	
Tăng trong kỳ	45.400.000	95.000.000	-	140.400.000	
Mua trong kỳ	45.400.000	95.000.000	-	140.400.000	
Giảm trong kỳ	-	95.000.000	50.000.000	145.000.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	95.000.000	50.000.000	145.000.000	
Số dư tại 30/6/2018	21.006.436.825	9.752.260.453	495.474.208	31.254.171.486	
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2018	16.331.535.174	3.333.461.344	545.474.208	20.210.470.726	
Tăng trong kỳ	832.388.380	489.904.242	-	1.322.292.622	
Khấu hao trong kỳ	832.388.380	489.904.242	-	1.322.292.622	
Giảm trong kỳ	-	-	50.000.000	50.000.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	50.000.000	50.000.000	
Số dư tại 30/6/2018	17.163.923.554	3.823.365.586	495.474.208	21.482.763.348	
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2018	4.629.501.651	6.418.799.109	-	11.048.300.760	
Tại 30/6/2018	3.842.513.271	5.928.894.867	-	9.771.408.138	

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng đến 30/6/2018 với giá trị là: 8.920.283.044 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.10 Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	30/6/2018	Tăng	Giảm	01/01/2018
	VND	trong năm (VND)	trong năm (VND)	VND
<b>a. Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	10.262.241.524	8.318.384.870	-	1.943.856.654
- Nhà	10.262.241.524	8.318.384.870	-	1.943.856.654
Giá trị hao mòn lũy kế	404.473.049	83.183.849	-	487.656.898
- Nhà	404.473.049	83.183.849	-	321.289.200
Giá trị còn lại	9.857.768.475	8.235.201.021	-	1.622.567.454
- Nhà	9.857.768.475	8.235.201.021	-	1.622.567.454

**5.11 Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án thuộc nguồn vốn Ngân sách thành phố (Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Trung Hòa-Nhân Chính)	897.592.848	278.589.617.372
Dự án kinh doanh của Công ty	235.886.314.555	302.395.383.408
Dự án 1152 - 1154 đường Láng	-	10.718.563.693
Dự án C1 Trung Hòa - Nhân Chính	233.277.012.989	285.975.919.596
Dự án 102 Nguyễn Khuyến	202.471.365	202.471.365
Dự án C2 khu Trung Hòa - Nhân Chính	1.628.819.957	1.628.819.957
Dự án 76 Nguyễn Chí Thanh	222.670.122	222.670.122
Dự án TT xúc tiến TT và nhà ở để bán Mỹ Độ - Bắc Giang	536.561.875	536.561.875
Công trình khác	18.778.247	3.110.376.800
<b>Tổng</b>	<b>236.783.907.403</b>	<b>580.985.000.780</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2018	01/01/2018	Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>65.700.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>62.700.000.000</b>	<b>(1.800.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	9.900.000.000	-	9.900.000.000	-
Công ty Thương mại & Xây lắp Handico 6	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Bất Động sản Land6	1.800.000.000	(1.800.000.000)	1.800.000.000	(1.800.000.000)
Công ty CP đầu tư và PT Nhà số 6 Hà Long (***)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty CP đầu tư bất động sản & cơ sở hạ tầng Nhân Việt (****)	3.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>34.664.700.000</b>	-	<b>36.664.700.000</b>	-
Công ty TNHH Viễn Tin HN (**)	34.664.700.000	-	33.664.700.000	-
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	-	-	3.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>100.364.700.000 (*)</b>	<b>(1.800.000.000)</b>	<b>99.364.700.000 (*)</b>	<b>(1.800.000.000)</b>

**Trong đó:**

- Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.
- (\*) Chuyển chủ đầu tư dự án từ Công ty CP Tháp Hoa Kim Cương sang Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội
- (\*\*): Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 8/8/2010, thỏa thuận đầu tư Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại và Dịch vụ, trụ sở văn phòng nhà ở chung cư trên lô đất có ký hiệu HH2 Khu vực Ngòi-Cầu Trại xã Trung Văn, huyện Từ Liêm.
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội được quyền đầu tư tòa nhà trên diện tích 2.200 m<sup>2</sup> đất với sự cam kết của Công ty TNHH Viễn Tin Hà Nội đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch được sở kiến trúc Hà Nội phê duyệt. Tổng giá trị góp vốn theo hợp đồng vào Dự án của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội là 48.400.000.000 đồng.
- (\*\*\*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 19 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Long để thực hiện dự án Tổ hợp chung cư thương mại và biệt thự liền kề Hạ Long trên khu đất 15.207 m<sup>2</sup>, tại KS-E1, khu đô thị mới Vung Đâng, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, với tỷ lệ 50% Vốn của mỗi bên.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.13 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>75.818.804.799</b>	<b>75.818.804.799</b>	<b>80.675.666.492</b>	<b>80.675.666.492</b>
Công ty Cổ phần Licogi 13 Nền Móng Xây Dựng	9.101.734.660	9.101.734.660	9.101.734.660	9.101.734.660
Công ty CP Tập đoàn địa ốc Viễn Đông	7.259.429.000	7.259.429.000	7.259.429.000	7.259.429.000
Các đối tượng khác	59.457.641.139	59.457.641.139	64.314.502.832	64.314.502.832
<b>Tổng</b>	<b>75.818.804.799</b>	<b>75.818.804.799</b>	<b>80.675.666.492</b>	<b>80.675.666.492</b>

**5.14 Người mua trả trước**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
Ban quản lý dự án thoát nước Hà Nội	2.445.585.363	2.445.585.363
Các đối tượng khác	7.601.882.625	3.780.929.344
<b>Tổng</b>	<b>10.047.467.988</b>	<b>6.226.514.707</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp, Phải trả Nhà nước**

	30/6/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	01/01/2018 (VND)
<b>Phải nộp</b>	<b>33.628.998.275</b>	<b>9.973.367.886</b>	<b>15.348.759.175</b>	<b>28.253.606.986</b>
Thuế giá trị gia tăng	3.703.875.071	2.799.478.896	3.428.719.160	3.074.634.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.003.028.352	5.351.379.066	8.455.787.013	898.620.405
Thuế thu nhập cá nhân	737.156.852	1.015.753.155	757.496.233	995.413.774
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	25.184.938.000	420.899.222	2.320.899.222	23.284.938.000
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	383.857.547	383.857.547	-
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.218.686.980</b>	<b>6.218.686.980</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	6.218.686.980	6.218.686.980



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.16 Phải trả khác**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>75.757.297.480</b>	<b>106.406.593.073</b>
Kinh phí công đoàn	477.045.225	589.760.238
Bảo hiểm xã hội	116.692.058	245.221
Bảo hiểm y tế	17.233.085	-
Bảo hiểm thất nghiệp	9.131.220	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.251.832.474	24.880.146.000
Phải trả, phải nộp khác	66.885.363.418	80.936.441.614
<i>Phải trả các xí nghiệp, đội xây lắp</i>	<i>11.184.756.590</i>	<i>29.330.165.870</i>
<i>Công ty CP Đầu tư &amp; Thương mại Hà Nội</i>	<i>21.447.874.151</i>	<i>21.447.874.151</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>34.252.732.677</i>	<i>30.158.401.593</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>91.507.246.456</b>	<b>98.593.849.452</b>
Khu nhà ở, văn phòng 1152-1154 Đường Láng	-	7.854.378.467
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội theo Liên doanh XL nhà C1 Trung Hòa Nhân chính (dự án C1 Trung Hòa- Nhân Chính)	86.159.088.456	89.741.312.985
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ Công ty CP Đại Hải Hà theo Hợp đồng số 12/2009 (dự án C2 Trung Hòa- Nhân Chính)	500.000.000	500.000.000
Khu trung tâm xúc tiến Thương mại và Nhà ở để bán - Mỹ Độ - Bắc Giang	498.158.000	498.158.000
Các khoản khác	4.350.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>167.264.543.936</b>	<b>205.000.442.525</b>

**5.17 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>44.631.400</b>	<b>91.096.880</b>
Doanh thu nhận trước	44.631.400	91.096.880
<b>Dài hạn</b>	<b>228.143.832.772</b>	<b>292.401.184.356</b>
Doanh thu nhận trước	228.143.832.772	292.401.184.356
<b>Tổng</b>	<b>228.188.464.172</b>	<b>292.492.281.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.18 Vay và nợ ngân hạn**

	30/6/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>75.551.211.181</b>	<b>75.551.211.181</b>	<b>58.884.466.181</b>	<b>60.437.588.298</b>	<b>77.104.333.298</b>	<b>77.104.333.298</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trung Yên (***)	14.884.466.181	14.884.466.181	14.884.466.181	-	-	-
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Châu Á (*)	1.900.000.000	1.900.000.000	-	9.000.000.000	10.900.000.000	10.900.000.000
Vay đối tượng khác	58.766.745.000	58.766.745.000	44.000.000.000	51.437.588.298	66.204.333.298	66.204.333.298
<b>Vay dài hạn</b>	<b>9.016.000.000</b>	<b>9.016.000.000</b>	<b>-</b>	<b>552.000.000</b>	<b>3.568.000.000</b>	<b>3.568.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cầu Giấy (**)	3.016.000.000	3.016.000.000	-	552.000.000	3.568.000.000	3.568.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô (****)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>84.567.211.181</b>	<b>84.567.211.181</b>	<b>58.884.466.181</b>	<b>60.989.588.298</b>	<b>80.672.333.298</b>	<b>80.672.333.298</b>

(\*) Hợp đồng nguyên tắc vay ngày 15/01/2012, giữa Công ty Cổ phần công nghiệp Châu Á và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, Nội dung Vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng thời điểm hai bên thỏa thuận, khi đến hạn trả hai bên tiếp tục gia hạn, thời gian gia hạn hiện tại đến hết ngày 31/12/2018. Số dư tại thời điểm 30/6/2018 là 1.900.000.000 đồng

(\*\*) Hợp đồng tín dụng số 52/2016/HĐTD ngày 22/3/2016, nội dung vay mua ô tô, thời gian vay 60 tháng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng lần giải ngân. Số dư tại thời điểm 30/6/2018 là 3.016.000.000 đồng.

(\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số 1302LAV20180 ngày 9/2/2018 (Pháp nhân vay vốn từng lần ngắn hạn)

Bên cho vay: Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Trung Yên; số tiền cho vay tối đa 15.000.000.000 đồng;

Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền NVL và nhân công để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng mặt bằng của dự án TTTM - Dịch vụ công cộng và nhà ở Thấp Hoa kim cương tại lô đất C1 Khu đô thị Trung Hòa-Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội giữa Công ty CP Đầu tư và phát triển nhà số 6 Hà Nội và Công ty CP BDS Land 6; Lãi suất cho vay trong hạn: 8%/năm.

(\*\*\*\*) Hợp đồng tín dụng số HĐTD111201885 ngày 26/3/2018, số tiền vay là 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn thanh toán mua sản phẩm phòng theo hợp đồng chuyển nhượng số 232 C1/HĐCNVP/HANDICO6 ngày 28/12/2017 giữa CTCP Đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hà Nội và CTCP Dịch vụ Thương mại và Sản BDS Handico 6. Thời hạn vay: 5 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày 15 tháng phải điều chỉnh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	144.000.000.000	1.303.275.917	9.226.049.624	-	33.336.196.086	252.861.781.165	446.794.455	441.174.097.247
Tăng trong năm	-	-	4.973.470.143	179.521.856	51.030.646.456	1.034.367	256.915.744	56.441.588.566
Lãi	-	-	-	-	50.956.731.309	-	256.915.744	51.213.647.053
Phân phối lợi nhuận	-	-	4.973.470.143	179.521.856	-	-	-	5.152.991.999
Tăng khác	-	-	-	-	73.915.147	1.034.367	-	74.949.514
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	17.952.186	8.976.093	47.992.060.245	35.301.000	103.155.407	48.157.444.931
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	9.203.576.855	-	-	9.203.576.855
Chi cổ tức	-	-	-	-	17.092.827.842	-	-	17.092.827.842
Điều chỉnh hợp nhất	-	-	17.952.186	8.976.093	239.273.495	-	103.155.407	369.357.181
Chia lãi liên kết	-	-	-	-	21.447.874.151	-	-	21.447.874.151
Giảm khác	-	-	-	-	8.507.902	35.301.000	-	43.808.902
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.303.275.917</b>	<b>14.181.567.581</b>	<b>170.545.763</b>	<b>36.374.782.297</b>	<b>252.827.514.532</b>	<b>600.554.792</b>	<b>449.458.240.882</b>
<b>Số dư tại 01/01/2018</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.303.275.917</b>	<b>14.181.567.581</b>	<b>170.545.763</b>	<b>36.374.782.297</b>	<b>252.827.514.532</b>	<b>600.554.792</b>	<b>449.458.240.882</b>
Tăng trong kỳ	-	-	498.559.894	249.279.947	20.396.563.860	411.259	789.664	21.145.604.624
Phân phối lợi nhuận	-	-	498.559.894	249.279.947	-	-	-	747.839.841
Lãi	-	-	-	-	20.396.563.860	-	789.664	20.397.353.524
Tăng khác	-	-	-	-	-	411.259	-	411.259
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-	-	2.106.191.913	251.347.005.052	-	253.453.196.965
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.366.959.704	-	-	1.366.959.704
Chia cổ tức	-	-	-	-	739.232.209	-	-	739.232.209
Giảm khác (TP Hà Nội)	-	-	-	-	-	251.347.005.052	-	251.347.005.052
Quyết toán dự án sử dụng Ngân sách)	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 30/6/2018</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>1.303.275.917</b>	<b>14.680.127.475</b>	<b>419.825.710</b>	<b>54.665.154.244</b>	<b>1.480.920.739</b>	<b>601.344.456</b>	<b>217.150.648.541</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn nhà nước	24.602.450.000	24.602.450.000
Vốn góp của các cổ đông khác	119.397.550.000	119.397.550.000
<b>Tổng</b>	<b>144.000.000.000</b>	<b>144.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	144.000.000.000	144.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	144.000.000.000	144.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>		<b>17.092.827.842</b>
Quỹ đầu tư phát triển		4.973.470.143
Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.050.584.856

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	14.400.000
Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	14.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.20 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	11.061.086.724	15.102.244.364
Doanh thu kinh doanh và cho thuê	83.700.422.310	267.655.487.566
Bất động sản		
Doanh thu khác	16.012.548.373	16.531.567.345
<b>Tổng</b>	<b>110.774.057.407</b>	<b>299.289.299.275</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.21 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Giá vốn xây lắp	10.718.563.693	15.102.244.364
Giá vốn kinh doanh và cho thuê Bất động sản	58.991.445.921	195.858.943.956
Giá vốn khác	7.613.262.798	11.200.163.143
<b>Tổng</b>	<b>77.323.272.412</b>	<b>222.161.351.463</b>

**5.22 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	833.725.995	144.408.309
Lãi trả chậm	2.856.507.000	-
<b>Tổng</b>	<b>3.690.232.995</b>	<b>144.408.309</b>

**5.23 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền vay	2.655.109.870	1.080.637.620
<b>Tổng</b>	<b>2.655.109.870</b>	<b>1.080.637.620</b>

**5.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>Chi phí quản lý</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.071.405.855	5.990.296.399
Chi phí vật liệu quản lý	83.898.446	175.515.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.348.407	336.565.678
Chi phí khấu hao TSCĐ	813.013.384	820.301.110
Thuế phí và lệ phí	414.896.751	36.597.524
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.810.940	988.639.663
Chi phí bằng tiền khác	1.804.872.934	1.660.497.419
<b>Tổng</b>	<b>9.392.246.717</b>	<b>10.008.413.066</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.25 Thu nhập/chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	242.318.182	1.681.818.182
Cho thuê văn phòng, máy móc	1.086.488.681	539.824.090
Thu nhập khác	148.867.515	50.268.045
<b>Tổng</b>	<b>1.477.674.378</b>	<b>2.271.910.317</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại Tài sản thanh lý	95.000.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	119.374.998	-
Khấu hao TSCĐ có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	389.904.240	401.854.226
Chi phí khác	-	270.031.503
<b>Tổng</b>	<b>604.279.238</b>	<b>671.885.729</b>
<b>Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)</b>	<b>873.395.140</b>	<b>1.600.024.588</b>

**5.26 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.351.379.066	13.638.825.046
<b>Tổng</b>	<b>5.351.379.066</b>	<b>13.638.825.046</b>

**5.27 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	20.396.563.860	54.074.435.954
Các khoản điều chỉnh		
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL</i>	-	1.264.000.000
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	20.396.563.860	52.810.435.954
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.400.000	14.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.416,43</b>	<b>3.667,39</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09a-DN/HN

**5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.920.191.007	2.337.965.903
Chi phí nhân công	7.014.583.092	6.946.845.896
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.405.476.471	1.492.186.839
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.649.162.809	861.688.395
Chi phí khác bằng tiền	2.880.393.888	1.725.890.819
<b>Tổng</b>	<b>19.869.807.267</b>	<b>13.364.577.852</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Lương và thù lao	1.129.287.706	717.808.000
<b>Tổng</b>		<b>1.129.287.706</b>	<b>717.808.000</b>

**Số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	30/6/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long	Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.500.000.000	3.110.000.000
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	Cho vay, phải thu khách hàng, thu khác	466.410.641	38.991.068.422
Công ty CP Bất Động sản Land6	Trả trước cho người bán	41.623.489.081	42.623.489.081
<b>Phải trả</b>			
Công ty Thương mại và Xây lắp Handico6	Phải trả người bán	1.118.496.043	1.118.496.043



6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mai Anh

Dương Thị Thái Hương

Bê Ngọc Long

